

Biểu 25: Danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm 2025 huyện Ia H'Drai tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Quyết định số 193 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
A	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch							
I	Các công trình quốc phòng							
1	DTBCH	CQP	5,03	5,03	5,03	0		Xã Ia Toi
2	TTHL	CQP(RSX)	266,18	166,18	0	166,18	RSX(166,18)	Xã Ia Toi
3	DH SCHCB huyện	CQP(RSX)	6,00	6,00		6	RSX(6,00)	Xã Ia Toi
4	CDQ2	CQP	2,20	2,20	0	2,2	RSX(2,2)	Xã Ia Toi
5	CDQ1	CQP	3,00	3,00	0	3	RSX(3,00)	Xã Ia Đal
6	CDQ3	CQP	4,13	4,13	0	4,13	RSX(4,13)	Xã Ia Dom

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
7	TĐ SMPK 12,7mm (TĐ BCHQS tỉnh Kon Tum)	CQP	0,25	0,25	0	0,25	RSX(0,25)	Xã Ia Toi
II	Các công trình đất an ninh							
1	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Dom	CAN	0,27	0,27	0,27	0		Xã Ia Dom
2	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Đal	CAN	0,18	0,18	0,18	0		Xã Ia Đal
3	Trụ sở làm việc Công an xã Ia Toi	CAN	0,20	0,20	0,2	0		Xã Ia Toi
III	Các công trình trụ sở cơ quan							
1	Trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai	TSC	0,33	0,33	0,33	0		Xã Ia Toi
IV	Các công trình xây dựng cơ sở văn hóa, thể thao							
1	Nhà bia tưởng niệm liệt sỹ huyện Ia H'Drai	DVH	1,48	1,48	1,48	0		Xã Ia Toi
2	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	DVH	2,73	2,73	2,73	0		Xã Ia Toi
		DTT	2,66	2,66	2,66	0		Xã Ia Toi
V	Đất sản xuất kinh doanh							
1	Nhà máy chế biến mủ cao su ChưMomRay của Công ty TNHH MTV Cao su ChưMomRay	SKC	7,00	7,00	4,30	2,7	CLN (2,7)	Xã Ia Toi
VI	Các công trình giao thông							
1	Cầu suối đá huyện	DGT	2,67	2,67	2,67	0		Xã Ia Toi
2	Đầu tư bãi đỗ xe,	DGT	0,39	0,39	0,39			Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
	san lấp mặt bằng các lô đất thuộc khu Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai	ONT	4,20	4,20	4,20			Xã Ia Toi
3	Công trình Đường ĐĐT21 (N40-N30)	DGT	0,57	0,57	0	0,57	CLN (0,57)	Xã Ia Toi
4	Công trình Đường ĐĐT20 (N39-N30)	DGT	0,53	0,53	0	0,53	CLN (0,53)	Xã Ia Toi
5	Công trình Đường ĐĐT22 (N32-N33)	DGT	0,20	0,20	0	0,2	CLN (0,2)	Xã Ia Toi
6	Công trình Đường ĐĐT23 (N34-N35)	DGT	0,19	0,19	0	0,19	CLN (0,19)	Xã Ia Toi
7	Công trình Đường ĐĐT24 (N37-N36)	DGT	0,20	0,20	0	0,2	CLN (0,2)	Xã Ia Toi
8	Đường từ thôn 1 đi thôn 9 xã Ia Toi	DGT	28,11	28,11	1,85	26,26	RSX (26,26)	Xã Ia Toi
9	Đầu tư kết cấu hạ tầng quy hoạch phía Bắc trung tâm hành chính huyện	DGT	1,38	1,38	0	1,38	CLN (1,38)	Xã Ia Toi
10	Đường giao thông từ Trung tâm xã Ia Đal đến tiếp giáp Dự án đường từ cầu Draï đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le	DGT	11,41	11,41	6,00	5,41	CLN (5,41)	Xã Ia Đal
11	Đường giao thông từ TTHC huyện đi đường tuần tra biên giới tại điểm dân cư số 13	DGT	6,00	6,00	4,00	2	CLN (2)	Xã Ia Toi
		DGT	12,00	12,00	8,50	3,5	CLN (3,5)	Xã Ia Đal
12	Bãi đỗ xe trước chợ trung tâm huyện	DGT	1,30	1,30	1,30	0		Xã Ia Toi
13	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	DGT	2,13	2,13	2,13	0		Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
14	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (sau sân vận động thôn 6)	DGT	0,40	0,40	0,4	0		Xã Ia Đal
15	Đường giao thông nông thôn Ia Đal (Điểm dân cư số 10 mở rộng)	DGT	0,26	0,26	0,26	0		Xã Ia Đal
16	Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hem (Điểm dân cư mới công ty CP cao su Sa Thầy)	DGT	0,88	0,88	0,88	0		Xã Ia Đal
17	Đường GTNT vào nghĩa trang nhân dân thôn 3	DGT	1,79	1,79	1,79	0		Xã Ia Đal
18	Đường GTNT thôn 4 (Điểm dân cư số 11 C.Ty CP Sâm Ngọc Linh)	DGT	0,94	0,94	0,94	0		Xã Ia Đal
19	Đường giao thông nông thôn số 4, thôn 1, xã Ia Toi	DGT	0,77	0,77	0,77	0		Xã Ia Toi
20	Đường và hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7	DGT	0,30	0,30	0,3	0		Xã Ia Toi
21	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dòm thôn 9, xã Ia Toi	DGT	2,13	2,13	2,13	0		Xã Ia Toi
22	Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Toi	DGT	1,79	1,79	1,79	0		Xã Ia Toi
23	Đường giao thông thôn đi bến đò làng nú Ia Dơ xã Ia Toi	DGT	1,00	1,00	1	0		Xã Ia Toi
24	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dòm	DGT	1,65	1,65	1,65	0		Xã Ia Dòm

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
25	Đường vào khu sản xuất N1, thôn 1, xã Ia Dom	DGT	0,45	0,45	0,45	0		Xã Ia Dom
26	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	DGT	0,09	0,09	0,09	0		Xã Ia Dom
27	Đường vào khu sản xuất N2, thôn 1, xã Ia Dom	DGT	0,39	0,39	0,39	0		Xã Ia Dom
28	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3 (Giai đoạn 1)	DGT	0,45	0,45	0,45	0		Xã Ia Dom
29	Đường GTNT từ thôn 7 đi thôn Ia Der	DGT	1,10	1,10	1,1	0		Xã Ia Đal
30	Đường GTNT thôn Chư Hem (đường vào Dốc dô)	DGT	0,74	0,74	0,74	0		Xã Ia Đal
31	Đường nội thôn điểm dân cư số 6, thôn 3	DGT	0,20	0,20	0,2	0		Xã Ia Đal
32	Đường GTNT thôn Ia Der giai đoạn 1 (Đường vào đội 12)	DGT	2,37	2,37	2,37	0		Xã Ia Đal
33	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7, xã Ia Tơi	DGT	0,49	0,49	0,49	0		Xã Ia Tơi
34	Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7	DGT	1,11	1,11	1,11	0		Xã Ia Tơi
35	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Tơi (đoạn đầu nối TL 675A đi sản xuất)	DGT	1,20	1,20	1,2	0		Xã Ia Tơi
36	Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	DGT	0,48	0,48	0,48	0		Xã Ia Dom
37	Đường quy hoạch TTHC xã Ia Dom	DGT	2,00	2,00	2	0		Xã Ia Dom

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
38	Đường giao thông số 2 thôn 1, xã Ia Toi; Hạng mục Nền, mặt đường và các công trình phụ trợ	DGT	0,99	0,99	0,99	0		Xã Ia Toi
39	Đường giao thông thôn 1, xã Ia Dom (Đoạn từ trung tâm xã đi nhà máy cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Ia H'Drai (D1-1))	DGT	0,49	0,49	0,49	0		Xã Ia Dom
40	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ4))	DGT	0,26	0,26	0,26	0		Xã Ia Đal
41	Đường giao thông số 3 thôn 1 xã Ia Toi	DGT	0,41	0,41	0,41	0		Xã Ia Toi
42	Đường giao thông nội bộ khu dân cư thôn Ia Đal, xã Ia Đal (Đoạn trung tâm xã Ia Đal (Đ3))	DGT	0,24	0,24	0,24	0		Xã Ia Đal
43	Đường từ bến đò Làng Núi đi điểm dân cư số 64, Thôn Ia Đor, xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai	DGT	1,00	1,00	1	0		Xã Ia Toi
44	Đường giao thông thôn Chư Hem, xã Ia Đal	DGT	0,45	0,45	0,45	0		Xã Ia Đal
45	Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom	DGT	0,33	0,33	0,33	0		Xã Ia Dom
46	Đường giao thông nội bộ khu dân cư TT xã Ia Đal (Đ5), thôn Ia Đal, xã Ia Đal	DGT	0,26	0,26	0,26	0		Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
47	Đường GTNT NT3-1, thôn 3, xã Ia Dom (GD2)	DGT	0,50	0,50	0,5	0		Xã Ia Dom
VII	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung							
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Toi	DCT	0,05	0,05		0,05	CLN (0,05)	Xã Ia Toi
2	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Toi	DCT	0,05	0,05	0,05	0		Xã Ia Toi
3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	DCT	0,05	0,05		0,05		Xã Ia Đal
4	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	DCT	0,05	0,05		0,05		Xã Ia Đal
5	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1	DCT	0,01	0,01		0,01		Xã Ia Đal
6	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4	DCT	0,01	0,01		0,01		Xã Ia Đal
7	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	DCT	0,01	0,01		0,01		Xã Ia Đal
8	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	DCT	0,01	0,01		0,01		Xã Ia Đal
VIII	Các công trình xây dựng cơ sở y tế							

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai	DYT	4,91	4,91	4,49	0,42	CLN(0,42)	Xã Ia Toi
IX	Các công trình cơ sở giáo dục và đào tạo							
1	Trường mầm non Sơn Ca	DGD	1,30	1,30	1,3	0		Xã Ia Toi
2	Trường TH-THCS Nguyễn Sinh Sắc	DGD	1,36	1,36	1,36	0		Xã Ia Toi
3	Điểm trường mầm non điểm dân cư số 4	DGD	0,16	0,16	0,16			Xã Ia Dom
X	Các công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin							
1	Trạm BTS KTM2018_06	DBV	0,04	0,04	0	0,04	CLN (0,04)	Xã Ia Dom
2	Trạm BTS KTM2018_07	DBV	0,04	0,04	0	0,04	CLN (0,04)	Xã Ia Dom
XI	Các công trình chợ dân sinh, chợ đầu mối							
1	Chợ xã Ia Đal	DCH	0,40	0,40	0,4	0		Xã Ia Đal
XII	Đất xử lý rác thải							
1	Công trình Bãi rác tập trung	DRA	5,00	5,00	5	0		Xã Ia Toi
XIII	Các công trình khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng							

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
1	Nhà sinh hoạt thôn 4, xã Ia Đal	DKV	0,14	0,14	0,14	0		Xã Ia Đal
2	Xây dựng Nhà sinh hoạt sinh hoạt thôn 1, xã Ia Dom	DKV	0,20	0,20		0,2	CLN (0,20)	Xã Ia Dom
3	Xây dựng Nhà sinh hoạt sinh hoạt thôn 2, xã Ia Dom	DKV	0,20	0,20		0,2	CLN (0,20)	Xã Ia Dom
4	Nhà sinh hoạt thôn Ia Muung	DKV	0,25	0,25		0,25	CLN (0,25)	Xã Ia Dom
XIV	Các công trình dự án cho hoạt động khoáng sản							
1	Khai thác đá xây dựng tiểu khu 771	SKS	18,48	18,48	18,48	0		Xã Ia Đal
2	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 168)	SON	7,52	7,52	7,52	0		Xã Ia Đal
		SON	9,24	9,24	9,24	0		Xã Ia Toi
		SKS	3,39	3,39		3,39	CLN (3,39)	Xã Ia Đal
		SKS	2,90	2,90		2,9	CLN (2,9)	Xã Ia Toi
3	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 168A)	SON	3,73	3,73	3,73	0		Xã Ia Đal
		SON	5,36	5,36	5,36	0		Xã Ia Toi
		SKS	10,09	10,09		10,09	CLN (10,09)	Xã Ia Toi
		SKS	14,50	14,50		14,5	RSX(14,5)	Xã Ia Đal
4	Khai thác cát xây dựng sông Sa Thầy (số hiệu quy hoạch 171)	SON	10,11	10,11	10,11	0		Xã Ia Đal
		SON	12,77	12,77	12,77	0		Xã Ia Toi
		SKS	5,23	5,23		5,23	CLN (5,23)	Xã Ia Toi
		SKS	5,82	5,82		5,82	CLN (5,82)	Xã Ia Đal
5	Đất làm vật liệu xây dựng thông thường (Đất san lấp)	SKS	2,92	2,92	0	2,92	CLN (2,92)	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
6	Bãi tập kết cát, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Ia Toi	SKS	0,50	0,50	0,50			Xã Ia Toi
XV	Các công trình nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt							
1	Nghĩa trang nhân dân huyện	NTD	10,00	10,00	5,00	5	CLN(5)	Xã Ia Toi
XVI	Các công trình sự nghiệp khác							
1	Trạm bảo vệ rừng số 5 (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai)	DSK	0,07	0,07		0,07	RSX (0,07)	Xã Ia Toi
2	Trạm bảo vệ rừng số 6 (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai)	DSK	0,13	0,13		0,13	RSX (0,13)	Xã Ia Toi
3	Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Ia Toi	DSK	0,15	0,15	0	0,15	RSX (0,15)	Xã Ia Toi
4	Trạm quản lý bảo vệ rừng xã Ia Dom	DSK	0,15	0,15	0,15	0		Xã Ia Dom
B	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai							
I	Đất giáo dục							
1	Trường mầm non Hoa Mai, điểm trường chính	DGD	0,85	0,85	0,85	0		Xã Ia Toi
2	Trường mầm non Hoa Mai, thôn Ia Dơr	DGD	0,75	0,75	0,75	0		Xã Ia Toi
3	Trường mầm non Hoa Mai, thôn 8	DGD	0,43	0,43	0,43	0		Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
4	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 7 bậc tiểu học)	DGD	1,13	1,13	1,13	0		Xã Ia Toi
5	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường chính Bậc Trung học thôn 1)	DGD	0,91	0,91	0,91	0		Xã Ia Toi
6	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 9 bậc tiểu học)	DGD	0,36	0,36	0,36	0		Xã Ia Toi
7	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (điểm trường thôn 1 bậc tiểu học)	DGD	0,95	0,95	0,95	0		Xã Ia Toi
8	Trường TH-THCS Nguyễn Tất Thành (Điểm trường lẻ Bậc tiểu học thôn Ia Đor) điểm dân cư 64	DGD	1,06	1,06	1,06	0		Xã Ia Toi
9	Trường Mầm non Tuổi Ngọc (Điểm trường trung tâm thôn 1)	DGD	0,62	0,62	0,62	0		Xã Ia Dom
10	Trường Mầm non Tuổi Ngọc, (điểm trường thôn Ia Muong)	DGD	0,15	0,15	0,15	0		Xã Ia Dom
11	Trường Mầm non Tuổi Ngọc điểm trường nông trường 1 Duy Tân thôn 3	DGD	0,58	0,58	0,58	0		Xã Ia Dom

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
12	Trường mầm non thôn 1	DGD	0,46	0,46	0,46	0		Xã Ia Dom
13	Trường mầm non thôn 2	DGD	0,57	0,57	0,57	0		Xã Ia Dom
14	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du thôn 1	DGD	1,23	1,23	1,23	0		Xã Ia Dom
15	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du thôn 2	DGD	0,33	0,33	0,33			Xã Ia Dom
16	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du Nông trường 1 Duy Tân thôn 3	DGD	0,25	0,25	0,25	0		Xã Ia Dom
17	Trường Mầm non Măng Non (Điểm trường chính)	DGD	0,45	0,45	0,45	0		Xã Ia Đal
18	Trường Mầm non Măng Non (Điểm trường thôn 1,2)	DGD	0,45	0,45	0,45	0		Xã Ia Đal
19	Trường mầm non Măng Non (Điểm trường Thôn Chư Hem)	DGD	0,08	0,08	0,08	0		Xã Ia Đal
20	Trường TH-THCS Hùng Vương (bậc tiểu học)	DGD	1,08	1,08	1,08	0		Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
21	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường thôn 2, bậc tiểu học)	DGD	0,25	0,25	0,25	0		Xã Ia Đal
22	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 3)	DGD	0,19	0,19	0,19	0		Xã Ia Đal
23	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 7)	DGD	0,14	0,14	0,14	0		Xã Ia Đal
24	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường Thôn 8)	DGD	0,25	0,25	0,25	0		Xã Ia Đal
25	Trường TH-THCS Hùng Vương thôn Ia Đal (Điểm chính bậc THCS)	DGD	0,74	0,74	0,74	0		Xã Ia Đal
II	Các công trình khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng							
1	Nhà sinh hoạt thôn 4	DKV	0,25	0,25	0,25	0		Xã Ia Dom
2	Nhà sinh hoạt thôn 9	DKV	0,50	0,50	0,50	0		Xã Ia Toi
III	Các công trình phi nông nghiệp khác							
1	Trụ sở Công ty TNHH MTV cao su Chư Mom Ray	PNK	1,61	1,61	1,61	0		Xã Ia Toi
2	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 1	PNK	1,00	1,00	1	0		Xã Ia Toi
3	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 2	PNK	0,66	0,66	0	0,66	RSX (0,66)	Xã Ia Đal
4	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 3	PNK	3,14	3,14	3,14	0		Xã Ia Đal
5	Trụ sở làm việc Nông trường cao su Morai 4	PNK	1,03	1,03	1,03	0		Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
7	Trụ sở nông trường cao su suối cát Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy	PNK	0,51	0,51	0,51	0		Xã Ia Dom
8	Trụ sở nông trường cao su Bãi Lau Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy	PNK	1,06	1,06	1,06	0		Xã Ia Đal
9	Trụ sở nông trường cao su suối Đá Công ty Cổ phần cao su Sa Thầy	PNK	1,18	1,18	1,18	0		Xã Ia Đal
C	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I và mục II Biểu này của huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch							
I	Đất quốc phòng							
1	Tổ công tác địa bàn Ia Toi - ĐBP 703	CQP	0,15	0,15	0,15	0		Xã Ia Toi
2	Tổ công tác địa bàn - ĐBP Sê San 715	CQP	1,36	1,36	1,36	0		Xã Ia Toi
3	Trạm KSBP Ia Dom (đồn BP 709)	CQP	2,25	2,25	2,25	0		Xã Ia Dom
I	Đất trụ sở cơ quan							
1	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Đal	TSC	1,09	1,09	1,09	0		Xã Ia Đal
2	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Dom	TSC	1,00	1,00	1,00	0		Xã Ia Dom
3	Trụ sở HĐND-UBND xã Ia Toi	TSC	2,45	2,45	2,45	0		Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
II	Đất giáo dục							
1	Mầm non Tuổi Ngọc (điểm dân cư 4)	DGD	0,16	0,16	0,16	0,00		Xã Ia Dom
2	Trường mầm non Hoa Mai, thôn 9	DGD	1,00	1,00	1,00	0,00		Xã Ia Toi
III	Các công trình dự án thương mại, dịch vụ							
1	Đất thương mại dịch vụ khu du lịch Làng Chài	TMD	8,00	6,00	0,00	6,00	CLN (6,00)	Xã Ia Toi
2	Đất thương mại dịch vụ chợ TT huyện	TMD	0,34	0,34	0,34	0,00		Xã Ia Toi
3	Đất thương mại dịch vụ	TMD	1,00	1,00	0,00	1,00	CLN (1,00)	Xã Ia Toi
IV	Các công trình y tế							
1	Trạm y tế xã Ia Dom	DYT	0,45	0,45	0,45	0		Xã Ia Dom
V	Các công trình dự án cấp nước, thoát nước							
1	Cấp nước sinh hoạt	DCT	0,30	0,30		0,3	CLN (0,3)	Xã Ia Toi
2	Cấp nước sinh hoạt	DCT	0,30	0,30		0,3	CLN (0,3)	Xã Ia Dom
2	Cấp nước sinh hoạt	DCT	0,30	0,30		0,3	CLN (0,3)	Xã Ia Đal
VI	Các công trình giao thông							
1	Mở rộng Đường số 02 đoạn từ ĐĐT03 đến Chùa Huệ Khánh	DGT	1,62	1,62	0,6	1,02	CLN (1,02)	Xã Ia Toi
2	Đường GTNT thôn 6 (sau sân vận động thôn 6 (giai đoạn 2))	DGT	0,02	0,02		0,02		Xã Ia Đal
3	Đường GTNT thôn 8 (Đường nội thôn Đội 7 – Thôn 8)	DGT	0,25	0,25		0,25		Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
4	Đường GTNT thôn 8 (Đường nội thôn Đội 8 - Thôn 8)	DGT	0,30	0,30		0,3		Xã Ia Đal
5	Đường GTNT thôn Chư Hem (đường vào Dốc Đỏ), giai đoạn 2	DGT	0,25	0,25		0,25		Xã Ia Đal
6	Đường GTNT thôn 2 (từ Tỉnh lộ 675A nối đường nội thôn 2)	DGT	0,23	0,23		0,23		Xã Ia Đal
7	Đường GTNT thôn 1 (Từ tỉnh lộ 675A đi đường tuần tra Biên Giới)	DGT	0,74	0,74		0,74		Xã Ia Đal
8	Đường GTNT thôn 3, xã Ia Dom (Khu vực điểm dân cư số 4)	DGT	0,50	0,50		0,50		Xã Ia Dom
9	Đường GTNT thôn 3, xã Ia Dom (Khu vực điểm dân cư số 4)	DGT	0,76	0,76		0,76		Xã Ia Dom
10	Đường GTNT đi khu sản xuất số 1 thôn 7 (<i>bên phải tuyến quốc lộ 14C đoạn nông trường cao su số 1 Chư Mom Ray</i>)	DGT	1,03	1,03		1,03		Xã Ia Toi
11	Đường giao thông nội bộ thôn 1, điểm dân cư 44	DGT	0,59	0,59		0,59		Xã Ia Toi
VII	Các công trình chợ dân sinh, chợ đầu mối							
1	Chợ trung tâm xã Ia Dom	DCH	0,95	0,95		0,95	CLN (0,95)	Xã Ia Dom
1	QH Chợ xã Ia Toi	DCH	1,40	1,40		1,4	CLN (1,4)	Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
II	Các công trình dự án cho hoạt động khoáng sản							
1	Khai thác đá xây dựng	SKS	4,18	4,18		4,18	CLN (4,18)	Xã Ia Đal
2	Bãi tập kết khoáng sản (SH 164)	SKS	0,13	0,13	0,13	0		Xã Ia Dom
3	Bãi tập kết khoáng sản (SH 171)	SKS	0,72	0,72	0,72	0		Xã Ia Toi
4	Bãi tập kết khoáng sản (SH 168A)	SKS	0,30	0,30	0,30	0		Xã Ia Toi
VIII	Đất bãi thải, xử lý chất thải							
1	Bãi đổ thải	DRA	5,00	5,00		5	RSX (5)	Xã Ia Toi
2		DRA	1,00	1,00		1	CLN (1)	Xã Ia Dom
3		DRA	1,00	1,00		1	RSX (1)	Xã Ia Đal
VIII	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng							
1	Nhà sinh hoạt thôn 1	DKV	0,55	0,50		0,5	CLN (0,50)	Xã Ia Toi
IX	Đất nghĩa trang, nghĩa địa							
1	Nghĩa trang nhân dân thôn 8	NTD	5,00	5,00		5	CLN(5)	Xã Ia Toi
IX	Đất thể thao							
1	Khu thể thao xã Ia Đal	DTT	0,74	0,74	0,74	0		Xã Ia Đal
2	Khu thể thao xã Ia Dom	DTT	0,80	0,80		0,8	CLN(0,8)	Xã Ia Dom
X	Đất công trình sự nghiệp khác							
1	Trạm quản lý bảo vệ rừng số 10	DSK	0,10	0,10		0,1	RSX (0,1)	Xã Ia Đal
XI	Đất cơ sở khí tượng thủy văn							
1	Trạm khí tượng thủy văn	DKT	0,20	0,20		0,2	CLN (0,2)	Xã Ia Dom
XII	Đất phi nông							

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
	ngiệp khác							
1	Trụ sở nông trường 7, Công ty cổ phần Sâm Ngọc Linh	PNK	0,30	0,30	0,3	0		Xã Ia Đal
2	Dự án nuôi trồng thủy sản của Công ty Đầu tư phát triển Duy Tân (dự án thử nghiệm nuôi cá lồng)	PNK	0,50	0,50		0,5	CLN (0,5)	Xã Ia Toi
3	Đất trụ sở nông trường 4 - Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Duy Tân	PNK	1,4	1,4		1,4	CLN (1,4)	Xã Ia Toi
XII	Đất nông nghiệp khác							
1	Dự án chăn nuôi tập trung	CNT	38,28	38,28		38,28	CLN (38,28)	Xã Ia Đal
C	CÁC DỰ ÁN ĐẤT Ở							
1	Đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 47, thôn 2, xã Ia Dom	ONT	4,88	1,46	3,42			Xã Ia Dom
2	Mở rộng điểm dân cư số 47 tại thôn Ia Dom	ONT	0,70		0,7			Xã Ia Dom
3	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 8, thuộc tiểu khu 726,733	ONT	0,24	0,24	0,24	0,00		Xã Ia Đal
4	Giao đất ở tại nông thôn tại Điểm dân cư số 7, thuộc tiểu khu 726,733	ONT	7,05	7,05	7,05			Xã Ia Đal
5	Giao đất ở tại nông thôn	ONT	1,00	1,00	1,00			Xã Ia Đal
6	Giao đất ở tại nông thôn điểm dân cư số 9 (Thôn 4, xã Ia Đal), thuộc tiểu khu	ONT	0,95	0,95	0,95			Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
	726							
7	Giao đất ở tại nông thôn điểm dân cư số 44,Thôn 1, xã Ia Toi, thuộc tiểu khu 747	ONT	2,40	2,40	2,40			Xã Ia Toi
8	Giao đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 49, thôn Ia Muung, thôn 1, xã Ia Dom	ONT	1,73	1,73	1,73			Xã Ia Dom
9	Giao đất ở Điểm dân cư 3 (vị trí 2 Công ty ĐTPT Duy Tân)	ONT	6,50	6,50	6,50	0,00		Xã Ia Dom
10	Giao đất ở Điểm dân cư số 35	ONT	7,00	7,00	7,00			Xã Ia Toi
11	Giao đất ở Điểm dân cư số 36	ONT	6,40	6,40	6,40	0,00		Xã Ia Toi
12	Giao đất ở Điểm dân cư số 37	ONT	5,95	5,95	5,95			Xã Ia Toi
13	Giao đất ở Điểm dân cư số 39	ONT	5,10	5,10	5,10			Xã Ia Toi
14	Giao đất ở Điểm dân cư số 40	ONT	1,50	1,50	1,50			Xã Ia Toi
15	Giao đất ở Điểm dân cư số 63	ONT	6,50	6,50	6,50			Xã Ia Toi
16	Giao đất ở Điểm dân cư số 14	ONT	17,60	17,60	17,60			Xã Ia Đal
17	Giao đất ở Điểm dân cư số 15	ONT	12,50	12,50	12,50			Xã Ia Đal
18	Giao đất ở Điểm dân cư số 17	ONT	18,10	18,10	18,10			Xã Ia Đal
19	Giao đất ở Điểm dân cư số 20	ONT	12,70	12,70	12,70			Xã Ia Đal
20	Giao đất ở Điểm dân cư số 33	ONT	2,50	2,50	2,50	0,00		Xã Ia Đal
21	Giao đất ở Điểm dân cư số 16	ONT	26,59	26,59	26,59			Xã Ia Đal
22	Giao đất ở Điểm dân cư số 18	ONT	12,10	12,10	12,10			Xã Ia Đal

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
23	Giao đất ở Điểm dân cư số 19	ONT	21,28	21,28	21,28			Xã Ia Đal
24	Giao đất ở Điểm dân cư số 21	ONT	22,61	22,61	22,61	0,00		Xã Ia Đal
25	Giao đất ở Điểm dân cư số 22	ONT	12,10	12,10	12,10	0,00		Xã Ia Đal
26	Giao đất ở Điểm dân cư số 24	ONT	15,73	15,73	15,73	0,00		Xã Ia Đal
28	Giao đất ở Điểm dân cư số 7	ONT	27,25	27,25	27,25			Xã Ia Đal
29	Giao đất ở Điểm dân cư số 9	ONT	20,93	20,93	20,93			Xã Ia Đal
30	Giao đất ở Điểm dân cư số 23	ONT	25,50	25,50	25,50			Xã Ia Đal
31	Giao đất ở Điểm dân cư số 26	ONT	24,40	24,40	24,40			Xã Ia Đal
32	Giao đất ở Điểm dân cư số 27	ONT	6,60	6,60	6,60			Xã Ia Đal
33	Giao đất ở Điểm dân cư số 30	ONT	11,93	11,93	11,93	0,00		Xã Ia Đal
34	Giao đất ở Điểm dân cư số 31	ONT	4,26	4,26	4,26	0,00		Xã Ia Đal
35	Giao đất ở Điểm dân cư số 1	ONT	31,89	31,89	31,89	0,00		Xã Ia Dom
36	Giao đất ở Điểm dân cư số 3	ONT	21,28	21,28	21,28			Xã Ia Dom
37	Giao đất ở Điểm dân cư số 4	ONT	21,28	21,28	21,28			Xã Ia Dom
38	Giao đất ở Điểm dân cư số 52	ONT	20,00	20,00	20,00			Xã Ia Dom
39	Giao đất ở Điểm dân cư số 56	ONT	13,83	13,83	13,83			Xã Ia Dom
40	Giao đất ở Điểm dân cư số 47	ONT	37,22	37,22	37,22			Xã Ia Dom
41	Giao đất ở Điểm dân cư số 49	ONT	28,34	28,34	28,34			Xã Ia Dom
42	Giao đất ở tại nông thôn tại điểm dân cư số 64	ONT	10,30	10,30	10,30	0,00		Xã Ia Toi
43	Sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập	ONT	40,20	21,98	5,48	34,72		Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
	trung điểm dân cư số 66							
		DGD	0,85					Xã Ia Toi
		DSH	1,48					Xã Ia Toi
		DGT	10,83					Xã Ia Toi
		TMD	0,62					Xã Ia Toi
		DKV	4,22					Xã Ia Toi
D	ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT							
1	Đấu giá đất Thương mại dịch vụ lô đất C4 khu trung tâm hành chính huyện	TMD	0,57			0		Xã Ia Toi
2	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT12, MDT13, MDT14 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	ONT	1,83			0		Xã Ia Toi
				0,00	0,00			
3	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất các thửa đất tại lô đất ONT thuộc điểm dân cư công nhân số 2, tại thôn 2, xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai	ONT	0,52			0		Xã Ia Dom
				0,00	0,00			
4	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất tại điểm dân cư thôn 1 - xã Ia Dom (từ Trung tâm xã Ia Dom đến Km	ONT	2,00	2,00	2	0		Xã Ia Dom

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
	79+070 QL 14C đến cầu Suối Cát (Km 80+843)							
5	Giao đất tại điểm dân cư thôn 2 - xã Ia Dom (điểm dân cư số 47)	ONT	1,00	1,00	1	0		Xã Ia Dom
6	Đấu giá đất tại trung tâm xã Ia Đal	ONT	1,36	1,36	1,36	0		Xã Ia Đal
7	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất D1, D2, D3, D5, D6, D7, D8, D9, D10 Điểm dân cư số 41 Trung tâm hành chính xã Ia Toi (đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C-Sê San 3)	ONT	5,35	5,35	5,35	0		Xã Ia Toi
8	Đấu giá quyền sử dụng đất lô đất MDT17, MDT18, MDT21	ONT	1,50	1,50	1,5	0		Xã Ia Toi
9	Đấu giá các vị trí đất nhỏ, lẻ, xen kẽ khu Trung tâm huyện	ONT	1,00	1,00	1	0		Xã Ia Toi
10	Đấu giá đất nhỏ, lẻ, xen kẽ trong khu dân cư tại xã Ia Toi	ONT	2,00	2,00	2	0		Xã Ia Toi
11	Đấu giá đất nhỏ, lẻ, xen kẽ trong khu	ONT	2,00	2,00	2	0		Xã Ia Dom

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
	dân cư tại xã Ia Dom							
12	Đấu giá đất nhỏ, lẻ, xen kẽ trong khu dân cư tại xã Ia Đal	ONT	2,00	2,00	2	0		Xã Ia Đal
13	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV4, DV5 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	TMD	0,61	0,61	0,61	0		Xã Ia Toi
14	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất DV7, DV8, DV9, DV10 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	TMD	1,39	1,39	1,39	0		Xã Ia Toi
15	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDT1, MDT2, MDT3, MDT4, MDT5 Khu Công cộng - Dịch vụ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	ONT	4,63	4,63	4,63	0		Xã Ia Toi

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)
						Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất	
16	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC1, MDC3, MDC11 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai	ONT	2,42	2,42	2,42	0		Xã Ia Toi
17	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC7, MDC15 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	ONT	2,17	2,17	2,17	0		Xã Ia Toi
18	Đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các lô đất MDC16, MDC21, MDC24 tại Khu Thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện lỵ huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum	ONT	2,60	2,60	2,6	0		Xã Ia Toi
19	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư dọc Quốc lộ 14C Trung tâm huyện Ia H'Drai	ONT	9,40	9,40		9,4		Xã Ia Toi
Tổng: 232			1.291,60	#####	772,25	385,51		